

Biểu số: 04/TKLN-THADS

Ban hành theo TTLT số: /2021/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC

ngày tháng năm 2021

Ngày nhận báo cáo:

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ,
HÀNH CHÍNH LIÊN NGÀNH
(Từ/...../..... đến/...../.....)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu (số quyết định, việc, cuộc, văn bản)
	1	2
I	KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	
1	Số quyết định về thi hành án dân sự Viện kiểm sát đã kiểm sát, trong đó:	
2	Số quyết định về thi hành án dân sự vi phạm thời hạn gửi, hình thức, thể thức, kỹ thuật (thông báo, quyết định ...)	
3	Số quyết định về thi hành án dân sự có vi phạm về nội dung	
4	Số cuộc trực tiếp kiểm sát (đã hoàn thành) tại cơ quan Thi hành án dân sự, trong đó:	
5	- Số cuộc kiểm sát đã có kết luận	
6	Số việc Viện kiểm sát kiểm sát việc cưỡng chế, kiểm sát việc kê biên tài sản, kiểm sát việc định giá, bán đấu giá, tiêu hủy vật chứng, giao tài sản..., trong đó:	
7	- Án tham nhũng, chức vụ	
8	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
9	Số việc có điều kiện nhưng xếp vào chưa có điều kiện thi hành, trong đó:	
10	- Án tham nhũng, chức vụ	
11	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
12	Số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án. Trong đó:	
13	- Án tham nhũng, chức vụ	
14	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
15	Số việc chậm ra quyết định thi hành án dân sự, trong đó:	
16	- Án tham nhũng, chức vụ	
17	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu (số quyết định, việc, cuộc, văn bản)
	1	2
18	Số việc Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, trong đó:	
19	- Án tham nhũng, chức vụ	
20	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
21	Số việc Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định cưỡng chế, trong đó:	
22	- Án tham nhũng, chức vụ	
23	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
24	Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tự kiểm tra, cung cấp tài liệu, trong đó:	
25	- Án tham nhũng, chức vụ	
26	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
27	Số việc Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, đình chỉ thi hành án, lập hồ sơ xét miễn, giảm thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, trong đó:	
28	- Án tham nhũng, chức vụ	
29	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
30	Số việc Viện kiểm sát yêu cầu khác .v.v...	
31	Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự, trong đó:	
32	- Án tham nhũng, chức vụ	
33	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
34	Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận, trong đó:	
35	- Án tham nhũng, chức vụ	
36	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
37	Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần, trong đó:	
38	- Án tham nhũng, chức vụ	

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu (số quyết định, việc, cuộc, văn bản)
	1	2
39	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
40	Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình, trong đó:	
41	- Án tham nhũng, chức vụ	
42	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
43	Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự, trong đó:	
44	- Án tham nhũng, chức vụ	
45	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
46	Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận, trong đó:	
47	- Án tham nhũng, chức vụ	
48	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
49	Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần, trong đó:	
50	- Án tham nhũng, chức vụ	
51	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
52	Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình, trong đó:	
53	- Án tham nhũng, chức vụ	
54	- Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	
55	Số văn bản kiến nghị với cơ quan Thi hành án dân sự đã phúc tra, trong đó:	
56	- Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận	
57	- Số kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần	
58	- Số văn bản không được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận và giải trình	
59	Số văn bản kháng nghị với cơ quan Thi hành án dân sự đã phúc tra, trong đó:	
60	- Được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận	

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu (số quyết định, việc, cuộc, văn bản)
	1	2
61	- Được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần	
62	- Không được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận và giải trình	
II	KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH	
1	Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu về thi hành án hành chính. Trong đó:	
2	- Yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra Quyết định phân công, theo dõi thi hành án hành chính	
3	- Yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra Thông báo tự nguyện thi hành án hành chính	
4	Số văn bản Viện kiểm sát kiến nghị về thi hành án hành chính, trong đó:	
5	- Đối với cơ quan Tòa án	
6	- Đối với cơ quan Thi hành án dân sự	
7	- Đối với Ủy ban nhân dân	
8	- Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về thi hành án hành chính	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHÁNH ÁN

TAND.....

VIỆN TRƯỞNG

VKSND.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THADS

CQTHADS.....

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN
GHI CHÉP BIỂU MẪU SỐ 04/TKLN-THADS
Thông kê kết quả kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính

1. Nội dung

Phản ánh kết quả kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính của Viện Kiểm sát nhân dân trong kỳ báo cáo.

2. Đơn vị tính, phương pháp tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Quyết định”, “Việc”, “Cuộc”, “Văn bản”.

3. Nguồn số liệu

Số liệu thống kê thi hành án dân sự, thi hành án hành chính liên ngành được thu thập từ Hồ sơ, sổ nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu và nguồn chính thức khác của Viện Kiểm sát nhân dân lập hoặc tiếp nhận từ cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Giải thích từ ngữ, ghi chép và cách tính

Việc ghi chép phải được thực hiện đầy đủ đối với các chỉ tiêu trong biểu mẫu. Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”, không sử dụng các ký tự để đánh dấu. Cụ thể như sau:

I. Kiểm sát thi hành án dân sự

- Dòng 1 (Số quyết định về thi hành án Viện Kiểm sát đã kiểm sát), trong đó: thống kê tất cả các quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên cùng cấp đã gửi cho Viện Kiểm sát trong kỳ thống kê (tính theo sổ thụ lý bao gồm các quyết định về thi hành án: Quyết định thi hành án, quyết định hoãn thi hành án, quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định cưỡng chế, v.v... trong kỳ thống kê (Theo Điều 38 Luật Thi hành án dân sự). Dòng 1 = dòng 2 + dòng 3.

- Dòng 2 (Số quyết định về thi hành án vi phạm về thời hạn gửi, hình thức, thể thức, kỹ thuật (thông báo, quyết định ...): thống kê số quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên cùng cấp đã gửi cho Viện Kiểm sát trong kỳ thống kê nhưng gửi không đúng thời hạn quyết định không đúng mẫu, hình thức, thể thức, kỹ thuật trình bày (Theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự) trong kỳ thống kê.

- Dòng 3 (Số quyết định về thi hành án vi phạm về nội dung): thống kê số quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên cùng cấp đã gửi cho Viện Kiểm sát trong kỳ thống kê có vi phạm về nội dung.

- Dòng 4 (Số cuộc trực tiếp kiểm sát (đã hoàn thành) tại cơ quan THADS), trong đó: thống kê số cuộc Viện Kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án dân sự. Đối tượng trực tiếp kiểm sát bao

gồm: cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp, cơ quan Thi hành án dân sự cấp dưới trong kỳ thống kê.

- Dòng 5 (Số cuộc kiểm sát đã có kết luận): Dòng này chỉ thống kê số cuộc trực tiếp kiểm sát đã hoàn thành (đã có kết luận) trong kỳ thống kê.

- Dòng 6 (Số việc Viện Kiểm sát kiểm sát việc cưỡng chế, kiểm sát việc kê biên tài sản, kiểm sát việc định giá, bán đấu giá, tiêu hủy vật chứng, giao tài sản...), trong đó: thống kê toàn bộ số việc mà Viện Kiểm sát đã trực tiếp kiểm sát việc kê biên tài sản, cưỡng chế, kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, việc định giá, bán đấu giá, giao tài sản... trong kỳ thống kê (Dòng 6 phải lớn hơn hoặc bằng Dòng 7 + Dòng 8).

- Dòng 7 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc Viện Kiểm sát kiểm sát việc cưỡng chế, kê biên,... đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê.

- Dòng 8 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc Viện Kiểm sát kiểm sát việc cưỡng chế, kê biên,... đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê.

- Dòng 9 (Số việc có điều kiện nhưng xếp vào chưa có điều kiện thi hành), trong đó: thống kê số việc có điều kiện thi hành án nhưng cơ quan Thi hành án dân sự xếp vào chưa có điều kiện thi hành án trong kỳ thống kê (theo Điều 44a Luật Thi hành án dân sự) (Dòng 9 phải lớn hơn hoặc bằng Dòng 10 + Dòng 11).

- Dòng 10 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc có điều kiện thi hành án đối với án tham nhũng, chức vụ nhưng cơ quan Thi hành án dân sự xếp vào chưa có điều kiện thi hành án trong kỳ thống kê (theo Điều 44a Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 11 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc có điều kiện thi hành án đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nhưng cơ quan Thi hành án dân sự xếp vào chưa có điều kiện thi hành án trong kỳ thống kê (theo Điều 44a Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 12 (Số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án), trong đó: thống kê số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án (theo Điều 44 Luật Thi hành án dân sự) trong kỳ thống kê (Dòng 12 lớn hơn hoặc bằng Dòng 13 + Dòng 14).

- Dòng 13 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (theo Điều 44 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 14 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (theo Điều 44 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 15 (Số việc chậm ra quyết định thi hành án), trong đó: thống kê số việc chậm ra quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự) trong kỳ thống kê (Dòng 15 lớn hơn hoặc bằng Dòng 16 + Dòng 17).

- Dòng 16 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc chậm ra quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 17 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc chậm ra quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 18 (Số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án), trong đó: thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự) (Dòng 18 lớn hơn hoặc bằng Dòng 19 + Dòng 20).

- Dòng 19 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 20 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (theo Điều 36 Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 21 (Số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định cưỡng chế), trong đó: thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định cưỡng chế trong kỳ thống kê (Dòng 21 lớn hơn hoặc bằng Dòng 22 + Dòng 23).

- Dòng 22 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định cưỡng chế đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê.

- Dòng 23 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định cưỡng chế đối với xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê.

- Dòng 24 (Số văn bản Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tự kiểm tra, cung cấp tài liệu), trong đó: thống kê số văn bản Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tự kiểm tra, cung cấp tài liệu cho Viện Kiểm sát trong kỳ thống kê (Dòng 24 lớn hơn hoặc bằng Dòng 25 + Dòng 26).

- Dòng 25 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tự kiểm tra, cung cấp tài liệu cho Viện Kiểm sát về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê.

- Dòng 26 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tự kiểm tra, cung cấp tài liệu cho Viện Kiểm sát về án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê.

- Dòng 27 (Số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự hoãn thi hành án, tạm đình chỉ, đình chỉ, lập hồ sơ xét miễn, giảm thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án), trong đó: là số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan

Thi hành án dân sự hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ, lập hồ sơ xét miễn, giảm thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án trong kỳ thống kê (theo Điều 48, 49, 50,... Luật Thi hành án dân sự) (Dòng 27 lớn hơn hoặc bằng Dòng 28 + Dòng 29).

- Dòng 28 (Án tham nhũng, chức vụ): là số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ, lập hồ sơ xét miễn, giảm thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án đối với án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (theo Điều 48, 49, 50,... Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 29 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): là số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ, lập hồ sơ xét miễn, giảm thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (theo Điều 48, 49, 50,... Luật Thi hành án dân sự).

- Dòng 30 (số việc Viện Kiểm sát yêu cầu khác...): là số việc Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có quyết định khác ngoài các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ, xét miễn giảm, xác minh trong kỳ thống kê.

- Dòng 31 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự), trong đó: thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị), (Dòng 31 = Dòng 34 + Dòng 37 + Dòng 40), (Dòng 31 lớn hơn hoặc bằng Dòng 32 + Dòng 33).

- Dòng 32 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị), (Dòng 32 = Dòng 35 + Dòng 38 + Dòng 41).

- Dòng 33 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị), (Dòng 33 = Dòng 36 + Dòng 39 + Dòng 42).

- Dòng 34 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận), trong đó: thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận kiến nghị của Viện Kiểm sát (Dòng 34 lớn hơn hoặc bằng Dòng 35 + Dòng 36).

- Dòng 35 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận.

- Dòng 36 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận.

- Dòng 37 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần), trong đó: thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với

cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần (Dòng 37 lớn hơn hặc bằng Dòng 38 + Dòng 39).

- Dòng 38 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 39 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 40 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình), trong đó: thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình (Dòng 40 lớn hơn hoặc bằng Dòng 41 + Dòng 42).

- Dòng 41 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

- Dòng 42 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

- Dòng 43 (Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự), trong đó: thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê, (Dòng 43 = Dòng 46 + Dòng 49 + Dòng 52), (Dòng 43 lớn hơn hoặc bằng Dòng 44 + Dòng 45).

- Dòng 44 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án tham nhũng, chức vụ trong kỳ thống kê, (Dòng 44 = Dòng 47 + Dòng 50 + Dòng 53).

- Dòng 45 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự về án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong kỳ thống kê, (Dòng 45 = Dòng 48 + Dòng 51 + Dòng 54).

- Dòng 46 (Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận), trong đó: thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận (Dòng 46 lớn hơn hoặc bằng Dòng 47 + Dòng 48).

- Dòng 47 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận.

- Dòng 48 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận.

- Dòng 49 (Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần), trong đó: thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát (Dòng 49 lớn hơn hoặc bằng Dòng 50 + Dòng 51).

- Dòng 50 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 51 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 52 (Số văn bản kháng nghị cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình), trong đó: thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình (Dòng 52 lớn hơn hoặc bằng Dòng 53 + Dòng 54).

- Dòng 53 (Án tham nhũng, chức vụ): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

- Dòng 54 (Án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế): thống kê số văn bản kháng nghị của Viện Kiểm sát với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

- Dòng 55 (Số văn bản kiến nghị với cơ quan Thi hành án dân sự đã phúc tra), trong đó: thống kê số văn bản kiến nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự mà Viện Kiểm sát đã kiểm tra lại việc thực hiện kiến nghị (Dòng 55 = Dòng 56 + Dòng 57 + Dòng 58).

- Dòng 56 (Số kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận): thống kê số văn bản kiến nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận.

- Dòng 57 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần): thống kê số văn bản kiến nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 58 (Số văn bản kiến nghị cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình): thống kê số văn bản kiến nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kiến nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

- Dòng 59 (Số Quyết định kháng nghị với cơ quan Thi hành án dân sự đã phúc tra), trong đó: thống kê số quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự mà Viện Kiểm sát đã kiểm tra lại việc thực hiện kháng nghị (Dòng 59 = Dòng 60 + Dòng 61 + Dòng 62).

- Dòng 60 (Được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận): thống kê số văn bản kháng nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát.

- Dòng 61 (Được cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần): thống kê số văn bản kháng nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự chấp nhận một phần.

- Dòng 62 (Không được cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và giải trình): thống kê số văn bản kháng nghị đã phúc tra của Viện Kiểm sát đối với cơ quan Thi hành án dân sự trong kỳ thống kê (có văn bản kháng nghị) mà cơ quan Thi hành án dân sự không chấp nhận và có văn bản giải trình.

II. Kiểm sát thi hành án hành chính

- Dòng 1 (Số văn bản Viện Kiểm sát yêu cầu về thi hành án hành chính), trong đó: thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan, tổ chức có liên quan về thi hành án hành chính (Dòng 1 lớn hơn hoặc bằng Dòng 2 + Dòng 3).

- Dòng 2 (Yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định phân công, theo dõi thi hành án hành chính): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định phân công, theo dõi thi hành án hành chính (Căn cứ theo khoản 2 Điều 14 Nghị định 71/NĐ-CP).

- Dòng 3 (Yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra Thông báo tự nguyện thi hành án hành chính): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự ra thông báo về việc tự nguyện thi hành án (theo điểm e và điểm g khoản 1 Điều 311 Luật tổ tụng hành chính).

- Dòng 4 (Số văn bản Viện Kiểm sát kiến nghị về thi hành án hành chính), trong đó: thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát kiến nghị các cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về thi hành án hành chính (theo Điều 28 Luật TCVKS và Điều 315 Luật Tổ tụng hành chính), (Dòng 4 = Dòng 5 + Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8).

- Dòng 5 (Đối với cơ quan Tòa án): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát kiến nghị đối với cơ quan Tòa án về thi hành án hành chính.

- Dòng 6 (Đối với cơ quan Thi hành án dân sự): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát kiến nghị đối với cơ quan Thi hành án dân sự về thi hành án hành chính.

- Dòng 7 (Đối với Ủy ban nhân dân): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân về thi hành án hành chính.

- Dòng 8 (Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về thi hành án hành chính): thống kê số văn bản của Viện Kiểm sát kiến nghị đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về thi hành án hành chính./.